

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

Số: /2026/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 61/BC-BPC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và định mức khoán chi đối với hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp phát sinh nhiệm vụ, hoạt động trong nghiên cứu chiến lược, chính sách, tổ chức thi hành pháp luật.

b) Các nội dung khác liên quan đến mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và Thông tư số 09/2023/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố; các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Hội đồng nhân dân các xã, phường; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây viết tắt là Hội đồng nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã).

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền.

c) Các cơ quan, tổ chức liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 2. Mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Thành phố	Cấp xã	
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu				

	cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật				
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	150.000	150.000	
b	Các thành viên tham dự	Người/buổi	100.000	100.000	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia	01 văn bản	1.500.000	900.000	
3	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản				
a	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản; báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ hằng năm hoặc báo cáo đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản:				
	- Báo cáo của Ủy ban nhân dân	01 báo cáo	7.000.000	1.500.000	
	- Báo cáo của các Ban Hội đồng nhân dân thành phố; các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập	01 báo cáo	3.000.000		
b	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	01 báo cáo	400.000	240.000	
4	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp)	01 báo cáo	900.000	540.000	Tính 01 lần chỉnh lý
5	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các	Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp			

	phương tiện thông tin đại chúng				
6	Chi kiểm tra văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP			Không áp dụng	
	- Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	01 văn bản	250.000		
	- Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	01 văn bản	500.000		
7	Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	01 văn bản	200.000	120.000	
8	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản				
a	Mức chi chung	01 văn bản	300.000	180.000	
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	600.000	360.000	
9	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	250.000	150.000	
10	Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP	01 văn bản	150.000	90.000	
11	Chi xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật				
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác	01 văn bản	150.000	90.000	

	kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật				
b	Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật				
-	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí	01 tài liệu (01 văn bản)	Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp		
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	70.000	50.000	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo
12	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản;	Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp và quy định tài chính hiện hành			

Điều 3. Định mức khoán chi đối với hoạt động kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp phát sinh nhiệm vụ, hoạt động trong nghiên cứu chiến lược, chính sách, tổ chức thi hành pháp luật

1. Hoạt động soạn thảo báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản:

a) Báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố: 15.000.000 đồng/báo cáo;

b) Báo cáo kết quả kiểm tra văn bản liên ngành, địa bàn, chuyên đề, ngành, lĩnh vực: 7.000.000 đồng/báo cáo.

2. Đề xuất, kiến nghị hoàn thiện văn bản trên cơ sở kết quả kiểm tra văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và khoản 1 Điều 2 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP: 2.000.000 đồng/văn bản đề xuất, kiến nghị hoàn thiện.

3. Rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản; rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản theo quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (thuộc trách nhiệm rà soát):

a) Đối với văn bản của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố: 600.000 đồng/văn bản;

b) Đối với văn bản của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã: 360.000 đồng/văn bản.

Điều 4. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí phải đúng nhiệm vụ, đúng nội dung chi, mức chi, hóa đơn, chứng từ, bảo đảm công khai, tiết kiệm, hiệu quả và không trùng lặp với nguồn kinh phí khác.

3. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố thực hiện giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định nội dung chi, mức chi cụ thể đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Nghị quyết này bãi bỏ khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai áp dụng, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước và Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành thuộc lĩnh vực tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai Khóa I, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố, Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Đảng ủy, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng Cổng thông tin điện tử thành phố);
- Công báo điện tử thành phố;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Hạnh